

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua vắc xin dịch vụ tại Trung tâm Y tế huyện Yên Định năm 2023.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Y tế: Số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập; số 06/2023/TT-BYT ngày 12/3/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019; số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 về việc ban hành danh mục thuốc đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá; số 29/2020/TT-BYT ngày

31/12/2020 về việc sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành;

Căn cứ Quyết định số 3476/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp địa phương tỉnh Thanh Hóa năm 2023-2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Yên Định tại Tờ trình số 19/TTr-TTYT ngày 30/6/2023; kèm theo Báo cáo số 89/BC-TTĐ ngày 27/6/2023 của Tổ thẩm định, Sở Y tế về việc thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua vắc xin dịch vụ tại Trung tâm Y tế huyện Yên Định năm 2023 và hồ sơ liên quan.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua vắc xin dịch vụ tại Trung tâm Y tế huyện Yên Định năm 2023, gồm các nội dung sau:

1. Tên gói thầu: Mua vắc xin dịch vụ tại Trung tâm Y tế huyện Yên Định năm 2023.

2. Phân chia gói thầu: toàn bộ danh mục các mặt hàng là 01 gói thầu, gồm 35 mặt hàng.

(Chi tiết tại phụ lục danh mục kèm theo).

3. Giá gói thầu: 9.931.923.642 đồng.

(Bằng chữ: Chín tỷ chín trăm ba mươi một triệu chín trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi hai đồng).

4. Chủ đầu tư: Trung tâm Y tế huyện Yên Định

5. Nguồn vốn: Từ nguồn thu dịch vụ của Trung tâm Y tế huyện Yên Định

6. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi (trong nước, qua mạng, xét theo từng phần).

7. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

8. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Từ Quý III/2023

9. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

10. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ khi hợp đồng có hiệu lực.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Chủ đầu tư (Trung tâm Y tế huyện Yên Định tỉnh Thanh Hóa) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác đối với danh mục, dự toán, kết quả thẩm định và trình tự, thủ tục tổ chức thực hiện Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu nêu trên phục vụ hoạt động chuyên môn đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật; báo cáo kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định.

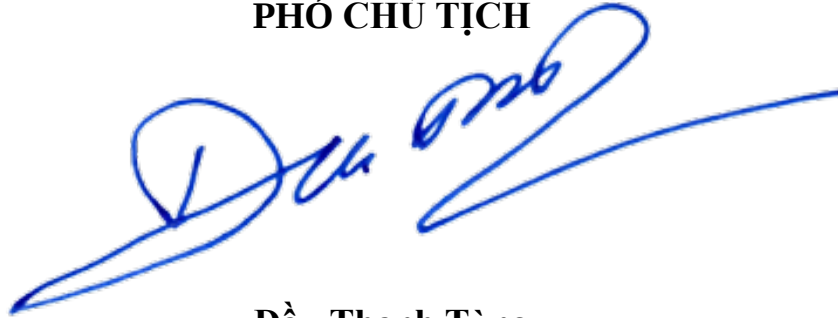
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Yên Định; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, VXsln.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

A large, stylized handwritten signature in blue ink, likely belonging to the official mentioned in the text below.

Đầu Thanh Tùng

Phụ lục:

Danh mục Gói thầu mua vắc xin dịch vụ tại Trung tâm Y tế huyện Yên Định tỉnh Thanh Hóa năm 2023
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế, đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền
1	Giải độc tố uốn ván tinh chế	4	≥ 40 IU/0,5ml	Thuốc tiêm, Tiêm	Ống	238	13,440	3,198,720
2	Globulin kháng độc tố uốn ván	4	1500 IU/1ml	Thuốc tiêm, Tiêm	Ống	955	25,263	24,126,165
3	Polysaccharide polyribosylribitol phosphate (PRP) cộng hợp với giải độc tố uốn ván	5	Mỗi 0,5ml dung dịch chứa Polysaccharide polyribosylribitol phosphate (PRP) 10mcg cộng hợp với (20,8 - 31,25 mcg) giải độc tố uốn ván	Thuốc tiêm, Tiêm	Lọ	460	178,080	81,916,800
4	Virus Rota sống, giảm độc lực typ G1P [8]	4	≥ 2 triệu PFU/2ml	Dung dịch, Uống	Lọ	2,605	349,986	911,713,530
5	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg	5	20mcg/1 ml	Thuốc tiêm, Tiêm	Lọ	524	66,780	34,992,720
6	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg	5	10mcg/0.5 ml	Thuốc tiêm, Tiêm	Lọ	115	47,250	5,433,750
7	Virus đại bất hoạt (chủng L. Pasteur 2061/Vero được nhân giống trên tế bào Vero)	5	$\geq 2,5$ IU / 0,5ml	Thuốc tiêm đông khô, tiêm	Lọ	978	164,800	161,174,400
8	BCG sống, đông khô	4	0,5 mg	Thuốc tiêm đông khô, tiêm	Ống	221	60,900	13,458,900

9	Virus viêm gan A (chủng GBM) bất hoạt	1	80 U/0,5ml	Thuốc tiêm, tiêm	Lọ	5	395,105	1,975,525
10	Chủng Rotavirus ở người sống giảm độc lực	1	$\geq 10^{6.0}$ CCID ₅₀ /1,5ml	Dung dịch, Uống	Ống/tuýp	204	700,719	142,946,676
11	Rotavirus tái tổ hợp (bò - người) chứa các typ G1, G2, G3, G4, P1A[8]	1	$\geq 2,2$ triệu IU; $\geq 2,8$ triệu IU; $\geq 2,2$ triệu IU; $\geq 2,0$ triệu IU; $> 2,3$ triệu IU	Dung dịch, Uống	Tuýp	16	535,320	8,565,120
12	Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid của phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid của phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid của phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid của phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid của phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid của phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid của phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid của phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid của phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid của phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid của phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid của phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid của phế cầu khuẩn; Cộng với Protein vận chuyển CRM197.	1	Mỗi 0,5 ml có chứa: Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid của phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid của phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid của phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid của phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid của phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid của phế cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid của phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid của phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid của phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid của phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid của phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid của phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid của phế cầu khuẩn 2,2mcg; Cộng với Protein vận chuyển CRM197 32mcg.	Thuốc tiêm đông sẵn trong dụng cụ tiêm, tiêm	Bơm tiêm	646	1,077,300	695,935,800

13	Biến độc tố bạch hầu; Biến độc tố uốn ván; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà (PT) và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) và Pertactin (PRN); Kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B (HBV); Vi rút bại liệt týp 1 bất hoạt (chủng Mahoney); Vi rút bại liệt týp 2 bất hoạt (chủng MEF-1); Vi rút bại liệt týp 3 bất hoạt (chủng Saukett); Polysaccharide của Haemophilus influenza týp B cộng hợp với giải độc tố uốn ván	1	≥ 30 IU; ≥ 40 IU; 25 mcg; 25 mcg; 8 mcg; 10mcg; 40 DU; 8 DU; 32 DU; 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván	Thuốc tiêm đông khô, tiêm	Lọ	1,990	864,000	1,719,360,000
14	Vi rút sởi; Vi rút quai bị; Vi rút rubella	1	Mỗi 0,5ml chứa: Virus sởi ≥ 1000 CCID50; virus quai bị ≥ 12500 CCID50; virus rubella ≥ 1000 CCID50	Thuốc tiêm đông khô; tiêm	Lọ	60	164,620	9,877,200
15	Vi rút thủy đậu chủng Oka sống, giảm độc lực	1	≥ 1350 PFU/0,5ml	Thuốc tiêm đông khô; tiêm	Lọ	34	714,440	24,290,960
16	Polysaccharide của các týp huyết thanh 1 ^{1,2} , 5 ^{1,2} , 6B ^{1,2} , 7F ^{1,2} , 9V ^{1,2} , 14 ^{1,2} , 23F ^{1,2} và của các týp huyết thanh 4 ^{1,2} , 18C ^{1,3} , 19F ^{1,4}	1	Mỗi 0,5ml có chứa 1mcg polysaccharide của các týp huyết thanh 1 ^{1,2} , 5 ^{1,2} , 6B ^{1,2} , 7F ^{1,2} , 9V ^{1,2} , 14 ^{1,2} , 23F ^{1,2} và 3 mcg của các týp huyết thanh 4 ^{1,2} , 18C ^{1,3} , 19F ^{1,4}	Thuốc tiêm đông sẵn trong dụng cụ tiêm, tiêm	Bơm tiêm	2,496	829,900	2,071,430,400
17	Vắc xin tái tổ hợp tứ giá phòng vi rút HPV ở người typ 6,11,16,18.	1	Mỗi 0,5 ml chứa Protein L1 HPV 6; 40 mcg protein L1 HPV 11, 40 mcg protein L1 HPV 16, 20 mcg protein L1 HPV 18	Thuốc tiêm, tiêm	Lọ	178	1,509,600	268,708,800
18	Giải độc tố bạch hầu; Giải độc tố uốn ván; Giải độc tố ho gà; Các kháng nguyên ho gà (Filamentous Haemagglutinin; Pertactin)	1	Giải độc tố bạch hầu ≥ 2 IU; Giải độc tố uốn ván ≥ 20 IU; Giải độc tố ho gà 8 μ g; Filamentous Haemagglutinin 8 μ g; Pertactin 2,5 μ g	Thuốc tiêm đông sẵn trong dụng cụ tiêm, tiêm	Bơm tiêm	12	598,000	7,176,000

19	Kháng nguyên bề mặt tinh chế virus cúm của các chủng: Chủng A/H1N1 (A/Guangdong-Maonan/SWL1536/2019); Chủng A/H3N2 (A/Hongkong/2671/2019); Chủng B (B/Washington/02/2019)	4	15mcg HA; 15mcg HA; 15mcgHA	Thuốc tiêm, tiêm	Lọ	720	149,100	107,352,000
20	Virus thủy đậu sống giảm độc lực (chủng OKA)	1	$\geq 10^{3,3}$ PFU	Thuốc tiêm đông khô; tiêm	Lọ	5	764,000	3,820,000
21	Polysaccharide não mô cầu nhóm huyết thanh A (đơn giá cộng hợp); Polysaccharide não mô cầu nhóm huyết thanh C (đơn giá cộng hợp); Polysaccharide não mô cầu nhóm huyết thanh Y (đơn giá cộng hợp); Polysaccharide não mô cầu nhóm huyết thanh W135 (đơn giá cộng hợp); Protein giải độc tố bạch hầu	1	Mỗi 0,5ml chứa: Polysaccharide não mô cầu nhóm huyết thanh A (đơn giá cộng hợp) 4 μ g; Polysaccharide não mô cầu nhóm huyết thanh C (đơn giá cộng hợp) 4 μ g; Polysaccharide não mô cầu nhóm huyết thanh Y (đơn giá cộng hợp) 4 μ g; Polysaccharide não mô cầu nhóm huyết thanh W135 (đơn giá cộng hợp) 4 μ g; Protein giải độc tố bạch hầu 48 μ g (Protein mang cộng hợp Polysaccharide đối với tất cả các nhóm huyết thanh)	Thuốc tiêm, Tiêm	Lọ	46	1,050,000	48,300,000
22	Giải độc tố bạch hầu: Giải độc tố uốn ván Kháng nguyên Bordetella pertussis: gồm Giải độc tố ho gà (PT) và Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA), Virus bại liệt (bất hoạt): – Típ 1 (Mahoney); – Típ 2 (MEF-1); – Típ 3 (Saukett), Kháng nguyên bề mặt viêm gan B, Polysaccharide của Haemophilus influenzae típ b (Polyribosylribitol Phosphate): cộng hợp với protein uốn ván	1	Mỗi 0,5ml: Giải độc tố bạch hầu ≥ 20 IU; Giải độc tố uốn ván ≥ 40 IU; Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT) 25 mcg, Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) 25 mcg; Vi-rút bại liệt (bất hoạt): típ 1 (Mahoney) 40 DU, típ 2 (MEF-1) 8 DU, típ 3 (Saukett) 32 DU; Kháng nguyên bề mặt viêm gan B5 10 mcg; Polysaccharide của Haemophilus influenzae típ B 12 mcg; (Polyribosylribitol Phosphate) cộng hợp với protein uốn ván 22-36 mcg	Thuốc tiêm đông sẵn trong dụng cụ tiêm, tiêm	Bơm tiêm	860	865,200	744,072,000
23	Virus Viêm não Nhật Bản chủng SA14-14-2 tái tổ hợp, sống, giảm độc lực	5	Mỗi 0,5ml vắc xin hoàn nguyên chứa: Virus Viêm não Nhật Bản chủng SA14-14-2 tái tổ hợp, sống, giảm độc lực 4,0 - 5,8 log PFU	Thuốc tiêm đông khô; Tiêm	Lọ	64	554,400	35,481,600

24	Virus đại bất hoạt (chủng Wistar PM/WI 38 1503-3M)	1	Mỗi 0,5ml dung dịch hoàn nguyên chứa: virus đại bất hoạt (chủng Wistar PM/WI 38 1503-3M) $\geq 2,5$ IU	Thuốc tiêm đông khô, Tiêm	Lọ	719	241,595	173,706,805
25	Kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B tinh khiết	4	20mcg/1ml	Thuốc tiêm, tiêm	Lọ	47	65,940	3,099,180
26	Protein bao gồm kháng nguyên Vi rút viêm gan A tinh khiết	4	< 100mcg/0,5ml	Thuốc tiêm, Tiêm	Lọ	1,396	95,400	133,178,400
27	Vi rút sởi, vi rút quai bị, vi rút rubella sống, giảm độc lực	5	≥ 1.000 CCID ₅₀ ; ≥ 5.000 CCID ₅₀ ; ≥ 1.000 CCID ₅₀	Thuốc tiêm đông khô, Tiêm	Lọ	1,331	137,550	183,079,050
28	Vi rút thủy đậu sống giảm độc lực	2	≥ 1.400 PFU	Thuốc tiêm đông khô, Tiêm	Lọ	886	501,000	443,886,000
29	Protein màng ngoài tinh khiết vi khuẩn não mô cầu nhóm B; Polysaccharide vỏ vi khuẩn não mô cầu nhóm C	5	Mỗi 0,5ml chứa Protein màng ngoài tinh khiết vi khuẩn não mô cầu nhóm B 50mcg; Polysaccharide vỏ vi khuẩn não mô cầu nhóm C 50mcg	Thuốc tiêm. Tiêm	Lọ	1,694	151,704	256,986,576
30	A/ Brisbane/02/2018 (H1N1) - sử dụng chủng tương đương (A/Brisbane/02/2018,IVR-190) ; A/ South Australia/34/2019(H3N2)- sử dụng chủng tương đương (A/South Australia/ 34/2019, IVR-197); B/Washington/02/2019 - sử dụng chủng tương đương(B/Washington/02/2019, Wild type); B/Phuket/3073/2013 - sử dụng chủng tương đương (B/Yamagata/16/88 lineage) (B/Phuket/3073/2013, Wild type)	1	Mỗi 0,5ml vắc xin chứa: A/Brisbane/02/2018 (H1N1)pdm09-like strain (A/Brisbane/02/2018, IVR-190) - 15 mcg haemagglutinin; A/South Australia/34/2019 (H3N2)-like strain (A/South Australia/34/2019, IVR-197) - 15 mcg haemagglutinin; B/Washington/02/2019-like strain (B/Washington/02/2019, wild type) - 15 mcg haemagglutinin; B/Phuket/3073/2013-like strain (B/Yamagata/16/88 lineage) (B/Phuket/3073/2013, wild type) - 15 mcg haemagglutinin	Thuốc tiêm đông sẵn trong dụng cụ tiêm, tiêm	Bơm tiêm	944	251,450	237,368,800

31	Virus viêm não Nhật bản tinh khiết, bất hoạt qua nuôi cấy tế bào Vero (chủng SA14-14-2)	5	3mcg/0,5 ml	Thuốc tiêm, Tiêm	Lọ	347	253,000	87,791,000
32	Virus viêm não Nhật bản tinh khiết, bất hoạt qua nuôi cấy tế bào Vero (chủng SA14-14-2)	5	6mcg/0,5 ml	Thuốc tiêm, Tiêm	Lọ	16	352,000	5,632,000
33	Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt Vi rút cúm A H1N1; Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt Vi rút cúm A H3N2; Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt Vi rút cúm B; Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt Vi rút cúm B	2	Type A H1N1 - 15mcg; type A H3N2 - 15mcg; Type B - 15mcg; Type B-15mcg/0,5ml	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm, tiêm	Bơm tiêm	5,215	239,925	1,251,208,875
34	Virus Sởi sồng, giảm độc lực, chủng AIK-C	4	≥ 1000 PFU/liều 0,5 ml	Thuốc tiêm đông khô, Tiêm	Lọ	68	353,010	24,004,680
35	Vi rút viêm não Nhật Bản chủng Nakayama bất hoạt, tinh khiết - Tương đương 1 đơn vị vắc xin mẫu chuẩn Quốc gia	4	Vi rút viêm não Nhật Bản chủng Nakayama bất hoạt, tinh khiết - Tương đương 1 đơn vị vắc xin mẫu chuẩn Quốc gia	Thuốc tiêm, tiêm	Lọ	134	49,815	6,675,210
Tổng số: 35 danh mục								9,931,923,642
(Bằng chữ: Chín tỷ chín trăm ba mươi một triệu chín trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi hai đồng./.)								